

Số: 132 /KH-UBND

Kiên Giang, ngày 28 tháng 8 năm 2020

KẾ HOẠCH

Tổng kết Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 14/1/2013 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01-12-2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020

Căn cứ Kế hoạch số 2528/KH-BVHTTDL ngày 09/7/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc tổng kết Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01-12-2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục thể thao đến năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tổng kết thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 14/01/2013 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Tổ chức tổng kết, đánh giá toàn diện về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, nêu rõ những kết quả đạt được, những hạn chế, khó khăn vướng mắc và nguyên nhân của thành công, hạn chế trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm, đề xuất, kiến nghị những nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục phát triển thể dục thể thao trong giai đoạn tiếp theo.

- Thông qua tổng kết Nghị quyết tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động của các cấp, các ngành và trong cán bộ, đảng viên, Nhân dân về vị trí, vai trò, tác dụng của thể dục thể thao trong việc nâng cao sức khỏe thể lực, tâm vóc của người Việt Nam, góp phần chuẩn bị nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Yêu cầu:

- Việc tổng kết thực hiện Nghị quyết tiến hành từ xã, phường, thị trấn; huyện, thành phố trực thuộc tỉnh, các sở ngành cấp tỉnh; và báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp kết quả thực hiện chung của toàn tỉnh.

- Nội dung tổng kết phản ánh đúng thực tế, khách quan, trung thực, toàn diện, đánh giá cụ thể theo các nội dung mà Nghị quyết đề ra; không làm theo hình thức thông kê, báo cáo thành tích.



II. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN TỔNG KẾT

1. Cơ quan thực hiện tổng kết:

- Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn xây dựng báo cáo tổng kết trên địa bàn mình quản lý và gửi báo cáo về Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiến hành tổng kết trên địa bàn và gửi báo cáo về UBND tỉnh (thông qua Sở Văn hóa và Thể thao để tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chung toàn tỉnh);

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh:

+ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Liên đoàn Lao động tỉnh, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Kiên Giang, Sở Xây dựng, Trường Đại học Kiên Giang và các Trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh tiến hành tổng kết trong hệ thống của ngành, cơ quan, đơn vị và gửi báo cáo về UBND tỉnh (thông qua Sở Văn hóa và Thể thao để tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chung toàn tỉnh);

+ Các sở, ban, ngành, đoàn thể còn lại xây dựng báo cáo tổng kết của cơ quan, đơn vị và gửi báo cáo về UBND tỉnh (thông qua Sở Văn hóa và Thể thao để tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chung toàn tỉnh).

- Sở Văn hóa và Thể thao chỉ đạo tổng kết trong hệ thống chuyên ngành thể dục thể thao, bao gồm cả các Hội, Liên đoàn thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh; đồng thời là cơ quan Thường trực, chủ trì, phối hợp với sở, ngành, địa phương tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tổng kết thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 14/01/2013 trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Nội dung báo cáo:

Căn cứ nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ trong Nghị quyết và điều kiện thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị tiến hành tổng kết, xây dựng báo cáo phù hợp (*có Đề cương, phụ lục báo cáo kèm theo*), trong đó các nội dung cần tập trung tổng hợp báo cáo, đánh giá:

- Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết và sự chuyển biến về nhận thức, hành động; về vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành trong triển khai thực hiện Nghị quyết.

+ Việc quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết, công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết, công tác xây dựng các văn bản chỉ đạo (Nghị quyết, Chỉ thị, Chương trình, Quyết định, Kế hoạch hành động...) thực hiện Nghị quyết của địa phương.

+ Phân tích, đánh giá những kết quả đạt được trong quá trình triển khai thực hiện 06 nhiệm vụ chủ yếu của Nghị quyết; có so sánh, đối chiếu với mục tiêu đề ra, từ đó, chỉ ra những tồn tại, hạn chế, yếu kém; phân tích những nguyên nhân của tồn tại, hạn chế, yếu kém, những khó khăn, thách thức; những bài học kinh nghiệm trong quá trình chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết.

+ Kiến nghị, đề xuất với cấp có thẩm quyền những nhiệm vụ, giải pháp đột phá mới để phát triển thể dục thể thao cho phù hợp với tình hình hiện nay.

- Tổ chức khảo sát, tìm hiểu, trao đổi, nắm bắt tình hình thực tiễn ở một số địa phương; phát hiện, nhân rộng các mô hình triển khai thực hiện tốt Nghị quyết, kịp thời biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

- Tổ chức tổng kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết và đề xuất, kiến nghị các giải pháp phát triển sự nghiệp thể dục thể thao trong giai đoạn tiếp theo.

3. Hình thức tổng kết

- Các sở, ban ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch và chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị, Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh huyện, thành phố; các xã, phường, thị trấn tiến hành đánh giá, tổng kết (có thể lồng ghép với các Hội nghị tổng kết về lĩnh vực thể dục thể thao khác trong cùng thời điểm).

- Căn cứ kết quả báo cáo tổng kết Nghị quyết của các Sở, cơ quan, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Sở Văn hóa và Thể thao tổng hợp, xây dựng báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-CP, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

4. Thời gian tổng kết

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các sở, ban, ngành cấp tỉnh tổ chức tổng kết xong và gửi báo cáo về Sở Văn hóa và Thể thao từ nay đến cuối tháng 9/2020.

- Ủy ban nhân dân tỉnh dự kiến tổ chức tổng kết trong tháng 10/2020.

III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Sở Văn hóa và Thể thao:

- Chủ trì xây dựng báo cáo Tổng kết thực hiện Nghị quyết, tổng hợp, xử lý các số liệu, báo cáo tổng kết của các cơ quan, đoàn thể, đơn vị liên quan và địa phương, xây dựng báo cáo tổng kết Nghị quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Làm đầu mối phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đoàn thể, đơn vị liên quan và địa phương tiến hành tổng kết Nghị quyết và gửi báo cáo.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức tổng kết Nghị quyết.

2. Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 16/NQ-CP và Kế hoạch này tiến hành tổng kết Nghị quyết và gửi báo cáo về Sở Văn hóa và Thể thao (*số 981 Nguyễn Trung Trực, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; điện thoại liên hệ: 02973.963 301; đồng thời gửi bản mềm qua hộp thư điện tử: qltdtt.svhtt@kiengiang.gov.vn*), đảm bảo các yêu cầu về nội dung và thời gian theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch tổng kết Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01-12-2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020; đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nghiêm túc triển khai thực hiện; trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Văn hóa và Thể thao) để chỉ đạo, xử lý. /.

Nơi nhận:

- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, P. KGVX, P. TH;
- Lưu: VT, ltram.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Minh Thành



**ĐỀ CƯƠNG**

Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-CP của Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục thể thao đến năm 2020
(Kèm theo Kế hoạch số: 132 /KH-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Phần thứ I**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT****1. Công tác triển khai Nghị quyết**

a) Tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 08-NQ/TW và Nghị quyết số 16/NQ-CP (ghi rõ những hình thức tuyên truyền, phổ biến, số cuộc, số người tham dự...).

b) Công tác cụ thể hóa các Nghị quyết, Chương trình hành động của Chính phủ thành Nghị quyết, Chỉ thị, Chương trình, Kế hoạch hành động gắn với các nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị (tên, số lượng, nội dung văn bản)

c) Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị quyết.

2. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về thể dục thể thao

a) Công tác xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực thể dục thể thao.

b) Rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan quản lý, các đơn vị sự nghiệp thể dục thể thao.

c) Xây dựng, đổi mới cơ chế, chính sách trong lĩnh vực thể dục thể thao.

- Trong huy động các nguồn lực để đầu tư, tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên, huấn luyện viên và xây dựng cơ sở vật chất thể dục, thể thao.

- Trong hỗ trợ tổ chức nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ vào hoạt động thể dục thể thao và nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, công nghệ thể dục thể thao.

- Trong phát triển kinh tế thể thao, khuyến khích hoạt động kinh doanh, sản xuất, tổ chức dịch vụ thể dục, thể thao.

- Trong sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách cho đội ngũ huấn luyện viên, vận động viên.

d) Xây dựng cơ chế, chính sách phát huy vai trò của các tổ chức xã hội nghề nghiệp về thể dục thể thao trong quản lý, điều hành các hoạt động thể dục thể thao; xây dựng quy chế phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước với các tổ

chức xã hội nghề nghiệp về thể dục thể thao; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao.

e) Hướng dẫn về kết quả thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch đất cho hoạt động thể dục thể thao, xây dựng cơ sở vật chất phục vụ tập luyện thể dục, thể thao của nhân dân giai đoạn 2011 - 2020.

f) Chỉ đạo, triển khai thực hiện đấu tranh phòng chống tiêu cực trong lĩnh vực thể dục, thể thao.

3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong trường học.

a) Việc đổi mới chương trình và phương pháp giáo dục thể chất, gắn giáo dục thể chất với giáo dục ý chí, đạo đức, giáo dục quốc phòng, giáo dục sức khỏe và kỹ năng sống của học sinh, sinh viên.

b) Kết quả công tác giáo dục thể chất theo chương trình nội khóa và phát triển các hoạt động thể thao ngoại khóa của học sinh, sinh viên.

c) Công tác thành lập và hoạt động của các câu lạc bộ thể thao trường học, thực hiện chương trình phổ cập dạy và học bơi đối với học sinh phổ thông.

d) Công tác phát triển các trường, lớp năng khiếu thể thao nhằm phát hiện, đào tạo tài năng thể thao quốc gia.

e) Công tác bồi dưỡng, phát huy năng lực của đội ngũ giáo viên thể dục, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, hướng dẫn viên thể dục, thể thao trường học.

f) Công tác đầu tư xây dựng, đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị cho công tác giáo dục thể chất trong nhà trường và việc sử dụng các công trình thể thao trên địa bàn phục vụ hoạt động thể thao ngoại khóa của học sinh, sinh viên.

g) Đánh giá vai trò, trách nhiệm, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền đối với công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học nói riêng, phục vụ thực hiện chiến lược xây dựng con người và phát triển văn hóa nói chung.

4. Mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động thể dục, thể thao quần chúng

a) Công tác phát triển đa dạng các loại hình tổ chức tập luyện thể dục thể thao, phát triển các câu lạc bộ thể dục, thể thao cấp cơ sở, dịch vụ tập luyện thể dục thể thao; công tác đào tạo và xây dựng đội ngũ hướng dẫn viên, cộng tác viên thể dục, thể thao cơ sở; công tác bảo tồn, phát triển các môn thể thao dân tộc và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong các hoạt động thể dục thể thao.

b) Quan tâm, phát triển phong trào thể dục, thể thao trong các đối tượng người cao tuổi, người khuyết tật, công chức, viên chức và người lao động.

c) Phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động thể dục, thể thao trong lực lượng vũ trang và dân quân tự vệ.

d) Công tác đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thể dục, thể thao công cộng.

5. Nâng cao hiệu quả đào tạo tài năng thể thao

a) Xây dựng, đào tạo và phát triển lực lượng vận động viên thể thao thành tích cao nói chung và các môn thể thao trọng điểm.

b) Công tác tổ chức thi đấu thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp, nâng cao thành tích thể thao.

c) Đổi mới tổ chức, quản lý thể thao thành tích cao theo hướng chuyên nghiệp; đẩy mạnh việc huy động nguồn lực của xã hội cho phát triển thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp.

d) Công tác giáo dục văn hóa, chính trị tư tưởng, đạo đức, tác phong cho huấn luyện viên, vận động viên, hạn chế tiêu cực, bạo lực trong thi đấu thể thao.

e) Công tác bố trí ngân sách và huy động các nguồn lực khác ngoài ngân sách nhà nước đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật cho đào tạo, huấn luyện và thi đấu thể thao.

6. Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ.

a) Công tác tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, huấn luyện viên, giáo viên thể dục, thể thao.

b) Công tác đầu tư, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong quản lý, nghiên cứu khoa học, y học thể thao, phục vụ tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện, chữa trị phục hồi chức năng và đảm bảo dinh dưỡng cho vận động viên.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá chung về kết quả đạt được.

2. Hạn chế, tồn tại

3. Nguyên nhân:

- Phân tích nguyên nhân của những mặt đã đạt được.

- Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế.

4. Những bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai, thực hiện Nghị quyết.

IV. BẢNG BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU (Phụ lục kèm theo)

Phần thứ II

KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị, đề xuất đối với Chính phủ và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Kiến nghị, đề xuất các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cần chỉ đạo thực hiện để phát triển sự nghiệp thể dục thể thao trong giai đoạn 2021-2030.

2. Các kiến nghị, đề xuất khác.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tổng hợp chỉ tiêu phát triển thể dục thể thao quần chúng giai đoạn 2011-2020

ĐVT: %

TT	Chỉ tiêu Năm	Số người tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên hàng năm (tỷ lệ % dân số)		Số gia đình luyện tập thể dục thể thao thường xuyên		Ghi chú
		Toàn tỉnh, thành phố	Vùng đồng bào dân tộc và miền núi	Toàn tỉnh, thành phố	Vùng đồng bào dân tộc và miền núi	
1.	2011					
2.	2012					
3.	2013					
4.	2014					
5.	2015					
6.	2016					
7.	2017					
8.	2018					
9.	2019					
10.	2020 (ước đạt)					



ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Điểm 5. Tổng hợp số cộng tác viên thể dục, thể thao giai đoạn 2011-2020

ĐVT: Số người

STT	Chỉ tiêu Năm	Số cộng tác viên thể dục, thể thao		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó: Nữ	
1.	2011			
2.	2012			
3.	2013			
4.	2014			
5.	2015			
6.	2016			
7.	2017			
8.	2018			
9.	2019			
10.	2020 (ước đạt)			



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

★ Phụ lục 6. Tổng hợp cơ sở, tổ chức hoạt động thể dục thể thao giai đoạn 2011-2020

ĐVT: Cơ sở

TT	Chỉ tiêu	Cơ sở, tổ chức hoạt động thể dục thể thao người khuyết tật	Cơ sở hoạt động thể thao, Câu lạc bộ thể thao (không nhằm mục đích kinh doanh)	Cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao	Ghi chú
	Năm				
1.	2011				
2.	2012				
3.	2013				
4.	2014				
5.	2015				
6.	2016				
7.	2017				
8.	2018				
9.	2019				
10.	2020 (ước đạt)				



ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tổng hợp xã, phường, thị trấn dành đất cho hoạt động
TDTT giai đoạn 2010-2020

ĐVT: %

TT	Chỉ tiêu	Xã, phường, thị trấn dành đất cho hoạt động TDTT	Xã, phường, thị trấn có bể bơi, sân bóng đá, nhà tập luyện TDTT	Ghi chú
	Năm			
1.	2011			
2.	2012			
3.	2013			
4.	2014			
5.	2015			
6.	2016			
7.	2017			
8.	2018			
9.	2019			
10.	2020 (ước đạt)			

Tổng hợp vận động viên thành tích cao giai đoạn 2011-2020

ĐVT: Lượt người

TT	Chỉ tiêu Năm	VĐV năng khiếu cấp tỉnh, thành, ngành		VĐV trẻ cấp tỉnh, thành, ngành		VĐV đội tuyển tỉnh, thành, ngành		VĐV được triệu tập vào đội tuyển trẻ quốc gia (lượt VĐV)		VĐV được triệu tập vào đội tuyển quốc gia (lượt VĐV)		VĐV cấp kiện tướng		VĐV đạt đẳng cấp I		Ghi chú
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	
1.	2011															
2.	2012															
3.	2013															
4.	2014															
5.	2015															
6.	2016															
7.	2017															
8.	2018															
9.	2019															
10.	2020 (trước đạt)															





Tổng hợp huấn luyện viên và trọng tài thể thao thành tích cao
giai đoạn 2011-2020

ĐVT: Người

TT	Chỉ tiêu Năm	Huấn luyện viên			Trọng tài			Ghi chú
		Tổng số	Cấp tỉnh, thành	Cấp quốc gia	Tổng số	Cấp quốc gia	Cấp quốc tế	
1.	2011							
2.	2012							
3.	2013							
4.	2014							
5.	2015							
6.	2016							
7.	2017							
8.	2018							
9.	2019							
10.	2020 (ước đạt)							



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Tổng hợp Liên đoàn, Hiệp hội thể thao của địa phương, đơn vị
giai đoạn 2011-2020**

DVT: Số tổ chức

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Ghi chú (tích vào các Liên đoàn đã thành lập tại địa phương)
	Năm		
1.	2011		<input type="checkbox"/> Liên đoàn Bóng đá, <input type="checkbox"/> Liên đoàn Bóng chuyền, <input type="checkbox"/> Liên đoàn Điền kinh, <input type="checkbox"/> Liên đoàn Thể dục, <input type="checkbox"/> HH Thể thao dưới nước, <input type="checkbox"/> Liên đoàn Bắn súng, <input type="checkbox"/> Liên đoàn Bóng bàn, <input type="checkbox"/> LD Xe đạp - Mô tô thể thao, <input type="checkbox"/> Liên đoàn Đua thuyền, <input type="checkbox"/> Liên đoàn Võ thuật cổ truyền, <input type="checkbox"/> Liên đoàn Cầu mây, <input type="checkbox"/> Liên đoàn Taekwondo, <input type="checkbox"/> Liên đoàn Judo, <input type="checkbox"/> Liên đoàn Bóng rổ, <input type="checkbox"/> Liên đoàn Cầu lông, <input type="checkbox"/> Liên đoàn Vovinam, <input type="checkbox"/> Liên đoàn Cờ vua <input type="checkbox"/> Liên đoàn Cờ tướng <input type="checkbox"/> Liên đoàn Quần vợt, <input type="checkbox"/> Liên đoàn Bóng ném, <input type="checkbox"/> Hiệp hội Golf, <input type="checkbox"/> Hiệp hội Câu cá thể thao, <input type="checkbox"/> Hội thể thao điện tử giải trí, <input type="checkbox"/> Hội thể thao Bridge và Poker, <input type="checkbox"/> Liên đoàn Quyền anh, <input type="checkbox"/> Liên đoàn Cử tạ, Thể hình, <input type="checkbox"/> Liên đoàn Yoga <input type="checkbox"/> Liên đoàn Vật <input type="checkbox"/> Liên đoàn Võ thuật tổng hợp
2.	2012		
3.	2013		
4.	2014		
5.	2015		
6.	2016		
7.	2017		
8.	2018		
9.	2019		
10.	2020 (ước đạt)		

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Tổng hợp số câu lạc bộ thể dục thể thao giai đoạn 2010-2020

ĐVT: Số Câu lạc bộ

	Năm / Chỉ tiêu	Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	Câu lạc bộ thể thao tại khu dân cư	Câu lạc bộ thể thao trường học	Câu lạc bộ thể thao trong cơ quan, đơn vị
1.	2011				
2.	2012				
3.	2013				
4.	2014				
5.	2015				
6.	2016				
7.	2017				
8.	2018				
9.	2019				
10.	2020 (ước đạt)				



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 15 Biểu mẫu thống kê chỉ tiêu phát triển thể dục thể thao trường học giai đoạn 2011-2020 (Áp dụng với Bộ Giáo dục và Đào tạo)
ĐVT: %

TT	Tiêu chí Năm	Số trường phổ thông thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục thể chất nội khóa	Số trường học phổ thông có câu lạc bộ thể dục, thể thao, có hệ thống cơ sở vật chất đủ phục vụ cho hoạt động thể dục, thể thao	Số trường học phổ thông có đủ giáo viên và hướng dẫn viên thể dục, thể thao, thực hiện tốt hoạt động thể thao ngoại khóa	Số học sinh được đánh giá và phân loại thể lực theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể	Số trường phổ thông đưa môn Bơi vào chương trình học ngoại khóa	Tỷ lệ học sinh, sinh viên thực hiện giáo dục chính khóa	Tỷ lệ học sinh, sinh viên thực hiện giáo dục ngoại khóa
1.	2011							
2.	2012							
3.	2013							
4.	2014							
5.	2015							
6.	2016							
7.	2017							
8.	2018							
9.	2019							
10.	2020 (ước đạt)							



ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 16 **Biểu mẫu thống kê chỉ tiêu phát triển thể dục thể thao trong lực lượng vũ trang giai đoạn 2011-2020**
(Áp dụng với ngành Quân đội và Công an)

ĐVT: %

TT	Chi tiêu	Số cán bộ chiến sỹ kiểm tra tiêu chuẩn rèn luyện thể lực theo từng quân, binh chủng	Tỷ lệ cán bộ, chiến sỹ tập luyện TDTT thường xuyên	Tỷ lệ cán bộ, chiến sỹ đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực	Ghi chú
	Năm				
1.	2011				
2.	2012				
3.	2013				
4.	2014				
5.	2015				
6.	2016				
7.	2017				
8.	2018				
9.	2019				
10.	2020 (ước đạt)				

th